

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2019.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Bá Lộc.

2/ Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thiên Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 11/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 465/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1963 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: K34/2 ấp P.H, xã P.T, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: K34/2 ấp P.H, xã P.T, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày: ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng vài năm gần đây thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông H cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà B để hai bên có điều kiện tạo lập cuộc sống riêng.

Về con chung: ông H và bà B có 06 người con chung gồm: Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986; Nguyễn Xuân D, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Kim Á, sinh năm 1994. Các con đã thành niên phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: bà B và ông Nguyễn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau. Nay bà B xét thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Hòa được nữa nhưng trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H thì bà B không đồng ý do bà là người theo đạo nên không được phép ly hôn.

Về con chung: bà B và ông H có 06 người con chung gồm: Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986; Nguyễn Xuân D, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Kim Á, sinh năm 1994. Các con đã thành niên, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định về tố tụng.

Về nội dung vụ án: ông H và bà B chung sống như vợ chồng từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn. Ông H và bà B hiện nay xác định không còn tình cảm gì với nhau, ông H yêu cầu ly hôn nhưng bà B không đồng ý vì bà là người theo đạo nên không thể ly hôn. Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình xác định ông H và bà B là quan hệ hôn nhân thực tế, việc ông H yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà B là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Về con chung đều đã trưởng thành nên không xét đến. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn ông Nguyễn H và bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B chung sống như vợ chồng từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì vậy ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà B.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H thì thấy: ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau vào năm 1983 không có đăng ký kết hôn, căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình thì ông H và bà B là quan hệ hôn nhân thực tế. Hiện nay ông H và bà B đều xác định không còn tình cảm gì với nhau, ông H yêu cầu ly hôn với bà B nhưng bà B không đồng ý vì bà là người theo đạo nên không thể ly hôn. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với kết quả xác minh ngày 18/4/2019 tại công an xã P.T, huyện Long Điền xác nhận ông H, bà B hay cãi nhau và bà B thường bỏ nhà tới nhà con gái sinh sống.

[3] Từ những tài liệu chứng cứ trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà B là trầm trọng có sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và hiện nay đã không còn tình cảm với nhau, không ai quan tâm tới ai, mục đích xây dựng cuộc sống hôn nhân không đạt được, vì vậy trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

Về con chung: ông H và bà B có 06 người con chung gồm: Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986; Nguyễn Xuân D, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Kim Á, sinh năm 1994. Các con đã thành niên, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H, bà B đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: ông H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

- Về con chung: ông H và bà B có 06 người con chung gồm: Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986; Nguyễn Xuân D, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Kim Á, sinh năm 1994. Các con đã thành niên, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về án phí: ông Nguyễn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0006211 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 11/6/2019, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THA dân sự H. Long Điền;
- UBND TT. LH;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Phương